

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 80/QĐ-HĐTSSĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn thi môn Ngoại ngữ đối với thí sinh đăng ký dự thi trình độ
Bác sĩ nội trú kỳ thi tuyển sinh Sau đại học năm 2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII và BSNT;

Căn cứ Quyết định số 3222/QĐ-TĐHYKPNT ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Kế hoạch 2427/KH-TĐHYKPNT ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc Tuyển sinh Sau đại học năm 2026 (Đợt 2);

Căn cứ Thông báo số 2458/TB-TĐHYKPNT ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc Tuyển sinh Sau đại học trình độ Bác sĩ nội trú, Thạc sĩ và Tiến sĩ năm 2026;

Theo đề nghị của Ban Thư ký kỳ thi tuyển sinh Sau đại học năm 2026 tại Tờ trình số 79/TTr-HĐTSSĐH ngày 13 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn thi môn Ngoại ngữ cho 440 thí sinh đăng ký dự thi trình độ Bác sĩ nội trú kỳ thi tuyển sinh Sau đại học năm 2026 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2026, Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT và PHT (để biết);
- Lưu: VT, P.QLĐTSSĐH (TA-03b).

7/11

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



Ngô Quốc Đạt
HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH ĐƯỢC MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ KỲ THI
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026 ĐỐI TƯỢNG BÁC SĨ NỘI TRÚ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-HĐTSSĐH ngày 14 tháng 8 năm 2026
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
NỘI TRÚ. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				31			
1	1	Nguyễn Lưu Hoàng Anh	08/03/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
2	2	Lâm Minh Cường	25/04/2001	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
3	3	Phạm Nhật Dương	26/09/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
4	4	Cao La Phương Đông	14/10/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
5	5	Đinh Thị Thu Hiền	16/03/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
6	6	Võ Quốc Hiến	11/05/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
7	7	Huỳnh Tấn Hiếu	22/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
8	8	Phan Nguyễn Quốc Hùng	28/08/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
9	9	Bùi Lâm Quỳnh Hương	28/01/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
10	10	Nguyễn Minh Khôi	18/01/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
11	11	Bùi Thế Kiệt	28/06/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
12	12	Nguyễn Bảo Lam	21/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
13	13	Nguyễn Thị Hoàng Linh	12/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng tương đương Bậc 3	
14	14	Đoàn Hồng Nam	09/10/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
15	15	Phan Hồng Ngọc	03/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
16	16	Nguyễn Gia Phú	04/09/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
17	17	Trần Thị Bích Phương	26/06/2002	Tỉnh Kon Tum	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
18	18	Nguyễn Thị Kim Phương	10/10/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
19	19	Lê Thị Hồng Phượng	21/10/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
20	20	Dương Hữu Tấn	13/12/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
21	21	Nguyễn Thanh Đạt Thành	21/02/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
22	22	Trần Thị Phương Thảo	07/03/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
23	23	Võ Hoàng Phương Thảo	07/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
24	24	Phạm Tấn Thịnh	08/10/2002	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
25	25	Nguyễn Đức Thuận	04/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	



~u

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
26	26	Nguyễn Hữu Thuận	28/07/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.0	
27	27	Huỳnh Ngọc Anh Tiên	29/05/2002	Tỉnh Sóc Trăng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
28	28	Nguyễn Ngọc Đài Trang	22/08/1995	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
29	29	Nguyễn Thành Trung	20/10/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
30	30	Võ Sơn Tuyền	26/04/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
31	31	Nguyễn Hoàng Phi Yến	13/10/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
NỘI TRÚ DA LIỄU				23			
32	1	Lê Hoàng Tú Anh	17/09/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
33	2	Tô Ngọc Mai Anh	02/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
34	3	Mai Tiểu Đào	05/05/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
35	4	Lê Thị Kim Giang	16/06/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
36	5	Lê Thị Hải Hà	22/08/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
37	6	Trương Gia Huy	06/08/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
38	7	Dương Chúc Huỳnh	10/02/2002	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
39	8	H Xuân Linh Ksor	03/11/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
40	9	Nguyễn Thị Phương Linh	30/10/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
41	10	Mai Nguyễn Trúc Linh	27/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
42	11	Lê Lâm Lợi	10/02/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
43	12	Nguyễn Thị Luyến	12/09/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
44	13	Nguyễn Thị Hoài My	15/02/2002	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
45	14	Nguyễn Hồng Cẩm Ngọc	20/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
46	15	Diệp Xuân Nhi	11/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng tương đương Bậc 3	
47	16	Phạm Quỳnh Như	04/11/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
48	17	Đỗ Minh Quân	09/09/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
49	18	Nguyễn Bích Tâm	20/07/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
50	19	Trương Thị Thu Thảo	30/04/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
51	20	Võ Ngọc Anh Thư	06/04/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
52	21	Trần Huyền Trân	30/09/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
53	22	Trịnh Thùy Ánh Tuyết	17/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
54	23	Khuru Thanh Vy	09/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
NỘI TRÚ. NGOẠI TỔNG QUÁT				42			
55	1	Đặng Tuấn Anh	14/09/2001	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP	
56	2	Võ Thế Bảo	04/07/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
57	3	Nguyễn Xuân Bách	02/10/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
58	4	Nguyễn Thành Đạt	26/02/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
59	5	Trần Ngọc Minh Đạt	30/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
60	6	Trần Thu Hà	15/09/2002	Tỉnh Hải Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng tương đương Bậc 3	
61	7	Nguyễn Trang Bảo Hân	11/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
62	8	Nguyễn Duy Lý Đức Hiếu	09/06/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
63	9	Thái Nguyên Hoàng	19/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
64	10	Vũ Nguyễn Quý Hòa	19/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
65	11	Nguyễn Đoàn Quốc Hội	01/03/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
66	12	Nguyễn Ảnh Huy	15/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
67	13	Mai Quang Huy	16/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
68	14	Nguyễn Thị Thu Hương	04/04/2001	Tỉnh Quảng Trị	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
69	15	Nguyễn Thị Huỳnh Hương	28/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
70	16	Phạm Bá Khang	25/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
71	17	Nguyễn Lại Văn Khoa	07/12/2002	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
72	18	Lê Minh Khoa	21/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
73	19	Nguyễn Anh Khoa	10/03/2001	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
74	20	Trần Viết Duy Khoa	06/09/1997	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
75	21	Bùi Tuấn Kiệt	06/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
76	22	Huỳnh Văn Lâu	24/07/2002	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
77	23	Nguyễn Tấn Lực	01/10/2001	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
78	24	Tạ Gia Minh	20/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
79	25	Trương Hoàng Minh	24/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
80	26	Võ Hồ Nam	11/03/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
81	27	Võ Phúc Trọng Nhân	13/11/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

7/11

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
82	28	Nguyễn Thị Quỳnh Như	16/03/2001	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
83	29	Bùi Nhật Phi	29/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
84	30	Trần Nguyễn Quốc Phong	07/01/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
85	31	Bùi Thành Phong	16/06/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
86	32	Phan Văn Thiên Phúc	28/05/2002	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
87	33	Đinh Trương Tấn Phúc	20/08/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
88	34	Phan Lê Thanh Thiên	01/06/2002	Thành phố Đà Nẵng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
89	35	Đinh Công Minh Tiến	01/01/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
90	36	Lê Trung Tín	08/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
91	37	Nguyễn Văn Tồn	07/09/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
92	38	Trần Minh Triết	15/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
93	39	Trần Thái Trung	20/11/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
94	40	Bùi Quang Tuấn	18/12/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
95	41	Nguyễn Phát Tường	28/06/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
96	42	Ngô Thành Vinh	08/03/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
NỘI TRÚ.NHÂN KHOA				52			
97	1	Trần Hoài An	19/08/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
98	2	Lê Bùi Hải An	17/11/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
99	3	Đào Nguyễn Thủy An	12/05/2002	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
100	4	Phạm Tuấn Anh	29/08/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
101	5	Trần Kiến Bách	01/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
102	6	Nguyễn Bảo Châu	24/04/2001	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
103	7	Lê Chương	25/07/2001	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
104	8	Phạm Đức Cường	02/11/1994	Tỉnh Ninh Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
105	9	Phan Huỳnh Phương Du	09/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
106	10	Nguyễn Hải Dương	03/02/2002	Tỉnh Thanh Hóa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
107	11	Trần Chí Hương Giang	24/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.0	
108	12	Phạm Nhật Hào	22/01/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
109	13	Viên Đình Nhật Hoàng	26/04/2002	Tỉnh Thanh Hóa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	

7/11

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
110	14	Võ Minh Huy	22/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
111	15	Huỳnh Phúc Huy	20/12/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
112	16	Lê Thanh Huy	03/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
113	17	Trần Thanh Huyền	06/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
114	18	Ngô Diễm Kha	22/08/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
115	19	Dương Nhã Khanh	27/08/2002	Tỉnh Trà Vinh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
116	20	Nguyễn Chí Khoa	26/11/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
117	21	Cao Đăng Khoa	04/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
118	22	Nguyễn Đoàn Đăng Khoa	05/07/2001	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
119	23	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	08/11/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
120	24	Thái Hoàng Lộc	10/07/2001	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
121	25	Phạm Hoàng Lộc	25/09/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
122	26	Nguyễn Phương Ly	05/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
123	27	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	30/04/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
124	28	Dương Huỳnh My	24/12/2001	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
125	29	Trương Cao Nguyên	06/05/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
126	30	Nguyễn Cao Nhân	03/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
127	31	Châu Văn Hiền Nhân	17/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
128	32	Cát Huy Nhật	21/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
129	33	Trần Hồng Quỳnh Như	06/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
130	34	Trần Hoàng Phúc	03/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
131	35	Lê Trần Tuấn Phương	12/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
132	36	Nguyễn Anh Phương	30/12/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
133	37	Nguyễn Hồng Ngọc Quế	28/06/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
134	38	Kha Thia Ry	22/04/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
135	39	Siu Nay Spring	12/09/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
136	40	Lương Tất Thắng	09/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
137	41	Phan Vũ Tâm Thư	09/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	
138	42	Võ Anh Thư	28/10/2001	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
139	43	Bùi Trần Thiên Thư	03/09/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
140	44	Nguyễn Phương Thủy Tiên	25/09/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
141	45	Lữ Bảo Toàn	22/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
142	46	Trần Cao Trí	12/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
143	47	Nguyễn Thanh Trúc	09/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
144	48	Nguyễn Minh Tuấn	10/11/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
145	49	Nguyễn Thanh Thảo Uyên	08/02/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
146	50	Lâm Minh Vĩ	12/04/2001	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
147	51	Trương Nhật Vy	23/10/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
148	52	Đặng Như Ý	31/07/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng tương đương Bậc 4	
NỘI TRÚ.NHI KHOA				64			
149	1	Nguyễn Ngọc Lan Anh	06/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
150	2	Lê Thị Quỳnh Anh	22/06/2002	Tỉnh Thanh Hóa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
151	3	Đoàn Ngọc Anh	26/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
152	4	Vũ Thị Ngọc Anh	31/07/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
153	5	Lê Nguyễn Phương Anh	06/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
154	6	Hà Qua Kiều Anh	08/08/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
155	7	Lê Lương Quốc Bảo	05/02/2002	Tỉnh Vĩnh Long	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
156	8	Lê Huy Bảo	26/08/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
157	9	Nguyễn Đoàn Minh Châu	02/11/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
158	10	Vũ Hoàng Lê Duy	29/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
159	11	Lại Minh Duy	12/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
160	12	Nguyễn Trần Việt Dũng	09/11/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
161	13	Nguyễn Duy Hà	13/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
162	14	Đặng Mai Hân	14/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
163	15	Hàng Gia Hân	05/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
164	16	Trần Đình Huy	22/06/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
165	17	Trần Ngọc Ánh Huyền	29/10/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
166	18	Nguyễn Thị Thu Hương	28/09/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
167	19	Ngô Hà Ngọc Quỳnh Hương	19/09/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
168	20	Biện Thị Thu Hường	10/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
169	21	Nguyễn Gia Hy	12/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
170	22	Dương Tiến Khang	06/04/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
171	23	Đỗ Quốc Khánh	09/02/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
172	24	Phạm Đăng Khoa	13/05/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
173	25	Nguyễn Tuấn Khôi	07/12/2002	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
174	26	Nguyễn Lê Tuấn Kiệt	18/05/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
175	27	Lai Gia Kỳ	13/03/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
176	28	Nguyễn Thị Tuyết Lam	01/09/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
177	29	Luân Ngọc Lâm	04/03/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
178	30	Lê Đức Mạnh	19/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
179	31	Nguyễn Hà Phương Ngân	01/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
180	32	Phạm Ngọc Kim Ngân	02/02/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
181	33	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/07/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
182	34	Thiều Vĩnh Nghi	06/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
183	35	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	24/10/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
184	36	Lê Nguyễn Mỹ Ngọc	18/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
185	37	Lê Anh Nguyên	19/04/2002	Tỉnh Kon Tum	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
186	38	Lê Phạm Hoàn Nguyên	02/09/2001	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
187	39	Nguyễn Thị Thanh Nhã	16/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
188	40	Trần Hoàng Nhân	28/12/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
189	41	Nguyễn Thị Yến Nhi	08/03/2002	Tỉnh Thừa Thiên Huế	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
190	42	Trần Linh Nhi	28/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 5.5	
191	43	Đinh Phương Nhi	16/09/2002	Tỉnh Hà Tây	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
192	44	Huỳnh Minh Như	08/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
193	45	Đào Thị Ngọc Phú	06/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
194	46	Lý Thanh Phương	02/03/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng tương đương Bậc 3	
195	47	Nguyễn Thị Như Quỳnh	04/09/2002	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
196	48	Dương Chí Quỳnh	28/04/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
197	49	Nguyễn Thị Thu Thảo	18/10/2001	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
198	50	Huỳnh Thị Anh Thi	26/04/2002	Tỉnh Kon Tum	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
199	51	Nguyễn Phương Thi	29/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
200	52	Trần Thị Anh Thư	23/06/2000	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
201	53	Nguyễn Trường Toàn	04/01/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
202	54	Lê Ngọc Trang	13/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
203	55	Trần Ngọc Trâm	07/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
204	56	Phan Bảo Trân	25/05/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
205	57	Nguyễn Diệp Yến Trinh	22/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
206	58	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	22/05/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
207	59	Phạm Đình Cát Tường	05/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
208	60	Lại Thị Minh Tường	12/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
209	61	Bùi Thị Tổ Uyên	02/06/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
210	62	Nguyễn Vũ Bảo Vy	05/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
211	63	Nguyễn Ngọc Uyển Vy	23/10/2002	Tỉnh Ninh Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
212	64	Thân Trọng Ý	19/09/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
NỘI TRÚ. NỘI TỔNG QUÁT				98			
213	1	Huỳnh An	20/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
214	2	Hồ Quốc An	27/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
215	3	Đặng Ngọc Minh Anh	18/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
216	4	Vũ Trọng Anh	31/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
217	5	Tô Đức Anh	02/10/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
218	6	Lê Thái Bảo	01/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
219	7	Ngô Tổ Cẩn	23/09/2002	Thành phố Đà Nẵng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
220	8	Đặng Minh Châu	17/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
221	9	Đoàn Công Duy	16/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
222	10	Lữ Bảo Duy	21/10/2002	Tỉnh Trà Vinh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
223	11	Phạm Trần Khánh Duy	12/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

7/10

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
224	12	Nguyễn Thanh Đạt	03/11/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
225	13	Lê Đoàn Đoàn Giao	14/01/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
226	14	Đàng Thị Giáng	29/10/2001	Tỉnh Ninh Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
227	15	Huỳnh Nhựt Hào	04/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
228	16	Nguyễn Đức Hải	31/01/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
229	17	Nguyễn Đình Vũ Hải	10/01/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
230	18	Phan Thị Hồng Hạnh	06/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
231	19	Lương Thị Ngọc Hân	06/08/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
232	20	Vũ Đình Đức Hiếu	14/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
233	21	Trương Minh Hiếu	16/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 8.0	
234	22	Lê Văn Hiếu	23/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
235	23	Vũ Thị Như Hoa	11/05/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
236	24	Nguyễn Đăng Minh Hoàng	09/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
237	25	Nguyễn Lý Minh Huy	27/03/2002	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
238	26	Huỳnh Đăng Huy	28/09/2002	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
239	27	Trần Thị Minh Huyền	01/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
240	28	Nguyễn Duy Khang	03/07/2001	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
241	29	Phạm Gia Khánh	07/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
242	30	Thái Doãn Khoa	16/07/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
243	31	Nguyễn Thành Khôi	13/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
244	32	Trần Ngô Gia Khương	20/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
245	33	Nguyễn Thị Hiếu Kiên	08/11/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
246	34	Nguyễn Đình Thuận Kiều	06/12/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
247	35	Đặng Phước Thành Lâm	31/07/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
248	36	Nông Lê Ngọc Linh	12/05/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
249	37	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/01/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
250	38	Nguyễn Xuân Thanh Lịch	24/07/2002	Tỉnh Thừa Thiên Huế	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
251	39	Lê Nguyễn Hoàng Mai	08/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
252	40	Biện Thị Kiều Mí	15/06/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	



STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
253	41	Nguyễn Phương Minh	04/09/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
254	42	Thái Hoàng Diễm My	29/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
255	43	Võ Hoàng Nam	18/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
256	44	Bùi Hữu Nghĩa	06/05/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
257	45	Đỗ Tiến Nghĩa	17/08/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	JLPT N4	
258	46	Trần Thị Hiếu Ngoan	10/01/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
259	47	Nguyễn Thị Trang Nhung	18/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
260	48	Nguyễn Trần Tấn Phát	04/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
261	49	Trần Thị Diễm Phúc	28/01/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
262	50	Nghiêm Xuân Phương	29/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
263	51	Nguyễn Giang Hoàng Quân	02/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
264	52	Phạm Minh Quân	09/01/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
265	53	Phạm Lê Ngọc Quyên	24/11/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
266	54	Phạm Ngọc Sang	15/07/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
267	55	Trần Hải Sơn	04/12/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
268	56	Nguyễn Thế Ngọc Sơn	20/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
269	57	Huỳnh Tấn Sỹ	17/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
270	58	Nghiêm Đức Tài	08/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
271	59	Tạ Phương Tài	30/04/2001	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 5.5	
272	60	Lê Minh Đức Tài	15/11/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
273	61	Phạm Hữu Tâm	27/01/1999	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
274	62	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	13/05/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
275	63	Cao Quốc Tân	28/10/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	APTIS ESOL B2	
276	64	Huỳnh Yến Thanh	25/04/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
277	65	Nguyễn Phan Xuân Thanh	11/10/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
278	66	Phan Lương Thành	11/09/2001	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
279	67	Đỗ Nhật Thành	17/09/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
280	68	Nguyễn Hồ Phương Thảo	06/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
281	69	Phạm Thị Thảo	07/09/2002	Tỉnh Vĩnh Phúc	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
282	70	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/06/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
283	71	Lê Thị Hồng Thắm	14/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
284	72	Chu Quang Thắng	12/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
285	73	Nguyễn Lê Phú Thịnh	19/03/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
286	74	Trịnh Quốc Thịnh	12/05/2001	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
287	75	Trần Khánh Thoại	17/07/2001	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
288	76	Nguyễn Thị Bích Thủy	27/08/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
289	77	Thái Anh Thư	19/02/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	APTIS ESOL B2	
290	78	Huỳnh Anh Thư	05/11/2002	Tỉnh Sóc Trăng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
291	79	Đồng Thị Bảo Thy	06/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
292	80	Trần Thị Thủy Tiên	31/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
293	81	Huỳnh Ngọc Toàn	12/11/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
294	82	Nguyễn Dương Thùy Trang	22/02/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
295	83	Nguyễn Kiều Đoan Trang	30/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng tương đương Bậc 3	
296	84	Lê Thị Trang	17/11/2002	Tỉnh Thanh Hóa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
297	85	Lê Hoàng Bảo Trâm	23/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
298	86	Nguyễn Ngọc Phương Trân	31/03/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP bậc 3	
299	87	Trương Hoàng Bảo Trân	23/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
300	88	Phạm Huỳnh Minh Triết	20/11/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
301	89	Nguyễn Ngọc Phương Trúc	01/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
302	90	Ngô Anh Tuấn	13/10/2001	Thành phố Đà Nẵng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng tương đương Bậc 3	
303	91	Nguyễn Thảo Uyên	25/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
304	92	Đỗ Ngọc Thoại Vi	06/01/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
305	93	Nguyễn Khánh Vi	25/04/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
306	94	Phạm Hữu Vinh	15/10/2000	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
307	95	Nguyễn Việt Vương	06/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
308	96	Phan Huỳnh Ái Vy	03/07/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
309	97	Nguyễn Bảo Vy	19/10/2001	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
310	98	Nguyễn Ngọc Như Ý	17/11/2001	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Aptis ESOL B2	

ya

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
NỘI TRÚ.SẢN PHỤ KHOA				67			
311	1	Nguyễn Ngọc Vân An	04/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
312	2	Trương Bảo An	05/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
313	3	Nguyễn Thị Kim Anh	18/12/2002	Tỉnh Ninh Bình	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	HSK Bậc 3	
314	4	Đinh Lê Phương Anh	14/04/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
315	5	Nguyễn Thị Lan Anh	06/01/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
316	6	Vũ Thế Bảo	30/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
317	7	Nguyễn Phương Bình	26/01/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
318	8	Trịnh Thiên Bình	25/12/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
319	9	Lê Phạm Ngọc Bích	06/11/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
320	10	Lê Ngọc Bảo Châu	24/09/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
321	11	Trần Bửu Chí	03/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
322	12	Phạm Thị Thu Hà	10/07/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
323	13	Nguyễn Hà Cẩm Hằng	21/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
324	14	Tạ Ngọc Hân	09/09/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
325	15	Phạm Ngọc Hân	10/11/2002	Tỉnh Vĩnh Long	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
326	16	Nguyễn Thị Xuân Hoa	28/08/2001	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
327	17	Nguyễn Thị Thanh Hoa	29/01/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
328	18	Vũ Thị Ngọc Huyền	09/04/2002	Tỉnh Ninh Bình	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
329	19	Lê Mỹ Huyền	23/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	
330	20	Nguyễn Hoàng Huynh	20/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
331	21	Nguyễn Đạt Hùng	04/11/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
332	22	Lê Tường Hưng	26/04/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
333	23	Trịnh Kim Khánh	11/07/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 3	
334	24	Trần Nguyễn Đăng Khoa	28/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
335	25	Nguyễn Trần Thảo Lê	31/07/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
336	26	Lương Thị Nhật Lệ	19/10/2001	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
337	27	Trịnh Mỹ Linh	05/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
338	28	Phạm Thị Thủy Linh	19/10/2002	Tỉnh Hưng Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
339	29	Nguyễn Thị Phương Linh	24/08/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
340	30	Mai Thế Long	14/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
341	31	Trần Âu Nguyệt Minh	17/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.5	
342	32	Hồ Thị Khánh Ngân	03/01/2001	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
343	33	Nguyễn Ánh Xuân Ngân	06/02/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
344	34	Lưu Lâm Kim Ngân	07/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
345	35	Thiêm Minh Ngoan	04/10/2002	Tỉnh Vĩnh Long	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
346	36	Phan Hoàng Hồng Ngọc	07/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
347	37	Trần Thị Kim Ngọc	16/11/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
348	38	Bùi Lê Yến Nhi	18/07/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
349	39	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	08/05/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
350	40	Nguyễn Đức Hoàng Phú	17/02/2002	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
351	41	Phạm Thanh Phú	23/11/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
352	42	Ngô Quốc Phú	25/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
353	43	Nguyễn Lâm Hoàng Phúc	10/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
354	44	Trần Quốc Minh Quân	10/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
355	45	Hoàng Anh Minh Quân	05/12/2001	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
356	46	Lê Phan Minh Quân	29/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng trung đương Bậc 3	
357	47	Nguyễn Minh Quân	21/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
358	48	Lý Phước Thục Quyên	30/10/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
359	49	Lưu Chí Sang	19/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
360	50	Nguyễn Đào Nguyên Thanh	11/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
361	51	Lê Thu Thảo	10/08/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
362	52	Trần Xuân Thanh	31/08/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
363	53	Nguyễn Thị Minh Thân	15/09/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
364	54	Trần Thị Thu Thoa	25/04/2001	Tỉnh Hưng Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
365	55	Nguyễn Phùng Anh Thư	07/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
366	56	Lu Minh Thư	03/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
367	57	Trần Thị Minh Thư	06/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	



KHO THẠC SĨ

74

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
368	58	Lê Thị Hoài Thương	23/02/2002	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Aptis ESOL General B1	
369	59	Võ Thị Thanh Tín	21/10/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
370	60	Trần Lê Thu Trang	28/07/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
371	61	Nguyễn Thị Thùy Trang	27/08/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
372	62	Nguyễn Thái Bảo Trâm	15/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.0	
373	63	Nghiêm Phạm Hoàng Trâm	06/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
374	64	Đỗ Thị Mỹ Trinh	03/11/2002	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
375	65	Đoàn Đức Trường	26/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
376	66	Nguyễn Phi Trường	12/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
377	67	Lê Ngọc Phương Vy	25/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
NỘI TRÚ.TAI – MŨI – HỌNG				24			
378	1	Phạm Quốc Bảo	06/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
379	2	Nguyễn Huỳnh Trang Châu	20/05/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
380	3	Vũ Hồng Duyên	02/05/2002	Tỉnh Bắc Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
381	4	Nguyễn Gia Huy	15/02/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	
382	5	Nguyễn Quang Huy	08/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
383	6	Nguyễn Thị Hồng Ngát	13/11/2002	Tỉnh Hà Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
384	7	Trần Lê Phương Ngân	05/08/2001	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
385	8	Trần Đoàn Hải Ngân	13/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
386	9	Đỗ Thị Tuyết Nhung	13/08/2001	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
387	10	Ngô Trần Phương Như	10/07/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
388	11	Trương Tấn Phát	29/05/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
389	12	Võ Kim Phát	26/02/2001	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
390	13	Nguyễn Trần Minh Phú	27/03/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
391	14	Trần Ngọc Trúc Phương	17/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
392	15	Trần Như Quỳnh	08/08/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	APTIS ESOL B1	
393	16	Nguyễn Võ Anh Thư	24/03/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEFL iTP 453	
394	17	Huỳnh Thanh Tiến	09/02/2002	Tỉnh Kon Tum	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
395	18	Nguyễn Xuân Trang	12/11/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
396	19	Ngô Ngọc Huyền Trân	13/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Aptis ESOL B2	
397	20	Nguyễn Hoàng Quang Trung	26/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
398	21	Nguyễn Huỳnh Minh Trường	14/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
399	22	Nguyễn Sơn Tùng	05/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
400	23	Đỗ Thị Như Viên	28/09/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
401	24	Chung Nguyễn Hoàng Vũ	29/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
NỘI TRÚ. TRUYỀN NHIỆM				11			
402	1	Trần Ngọc Minh Anh	12/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
403	2	Mai Văn Chiến	01/11/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
404	3	Trang Hiền Khang	13/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
405	4	Lê Ngọc Khang	13/07/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
406	5	Võ Đăng Khoa	09/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
407	6	Nguyễn Khánh Nhân	21/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
408	7	Trần Thị Yến Nhi	09/03/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
409	8	Trần Ngọc Phương	19/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
410	9	Lê Hoàng Nhật Tân	23/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.5	
411	10	Trần Nguyễn Anh Thy	04/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
412	11	Hoàng Lê Anh Tuấn	24/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
NỘI TRÚ. ỨNG BƯỚU				18			
413	1	Trần Nguyễn Tường Anh	16/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
414	2	Nguyễn Lê Công Anh	19/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
415	3	Phan Thanh Bình	10/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
416	4	Trần Văn Châu	17/04/2001	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
417	5	Hà Bảo Đình	23/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Cambridge Assessment English B1 Preliminary	
418	6	Nguyễn Khang Huy	04/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Bằng Cử Nhân Ngôn Ngữ Anh	
419	7	Đoàn Nguyễn Ngọc Huyền	12/01/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng tương đương Bậc 3	
420	8	Lê Hữu Lộc	28/12/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
421	9	Lương Thị Ngọc Minh	05/07/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
422	10	Phan Kiều Nguyệt Ngân	14/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

STT	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
423	11	Phạm Hoàng Phương Nhi	03/04/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 3	
424	12	Dương Thị Quỳnh Như	14/03/2002	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 3	
425	13	Hà Kim Toàn	27/10/2001	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
426	14	Võ Khắc Trường	20/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
427	15	Nguyễn Long Anh Tuấn	18/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
428	16	Phùng Khắc Tường	28/10/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 3	
429	17	Nguyễn Hoàng Kiều Vy	31/05/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
430	18	Đỗ Nguyễn Ngọc Xuân	09/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
NỘI TRÚ.Y HỌC GIA ĐÌNH				10			
431	1	Nguyễn Thị Trúc Đào	02/09/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
432	2	Phạm Vũ Đạt	11/01/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
433	3	Mai Phước Minh Khang	11/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 3	
434	4	Nguyễn Như Quỳnh	13/04/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
435	5	Đào Sinh Thành	20/06/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
436	6	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/06/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
437	7	Phạm Hồng Thái	02/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
438	8	Lý Cẩm Thu	26/09/2002	Tỉnh Trà Vinh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 3	
439	9	Phạm Nhật Tiến	05/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	
440	10	Lê Thụy Tú Trân	30/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 4	

Danh sách trên gồm 440 thí sinh./